

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/DS-PT

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

*Các Thẩm phán:* - Ông Trần Quốc Vũ;

- Bà Dương Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 81/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 296, đường TNV, ấp BH, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở hiện nay: kp3, p2, tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

***Bị đơn:***

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; có mặt;

- Ông Hà Văn Th, sinh năm 1972; có mặt;

Cùng cư trú tại: Tổ 12, ấp ThA, xã ThB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

***- Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 26-10-2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:***

Ngày 26-3-2020 bà cho bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th vay số tiền 605.000.000 đồng, khi vay bà H có viết và cùng ông Th ký tên vào giấy nhận nợ; thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, hạn tháng 7 năm 2020 (AL) trả tiền nợ gốc. Mục đích bà H, ông Th vay tiền để đầu tư trồng mì. Từ khi vay tiền đến nay bà H, ông Th có trả tiền lãi cho bà được 28.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H, ông Th cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả) cho bà số tiền nợ gốc 605.000.000 (sáu trăm lẻ năm nghìn) đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng kể từ ngày 27-8-2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th thống nhất trình bày:* Bà H, ông Th có vay tiền của bà Nguyễn Thị V nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 04-6-2019 vay 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đã trả 75.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền nợ gốc;

- Ngày 11-7-2019 vay 1.120.000.000 đồng, trong đó gồm số tiền gốc vay ngày 04-6-2019 và tiền lãi 120.000.000 đồng; cộng dồn lại viết giấy nợ mới, tiền lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, chưa trả tiền gốc và lãi;

- Ngày 12-8-2019 vay 383.000.000 đồng, trong đó số tiền vay là 200.000.000 đồng, cộng dồn tiền lãi (ngày 11-7-2019) 183.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, chưa trả tiền nợ gốc và lãi;

- Ngày 15-11-2019 vay số tiền 762.000.000 đồng, số tiền gốc khi vay bà H, ông Th không nhớ và bà V cộng dồn tiền lãi ngày 11-7-2019 và ngày 12-8-2019 vào tiền gốc thành số tiền 762.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, lãi suất 3%/tháng;

- Ngày 19-11-2019 vay số tiền 1.700.000.000 đồng; cùng ngày bà V chốt tổng số tiền bà H, ông Th nợ là 2.462.000.000 đồng, sau khi chốt nợ hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; mục đích vay tiền để đảo hạn Ngân hàng. Bà H, ông Th đã trả cho bà V 2.100.000.000 đồng tiền nợ gốc (ngày 21-11-2019 trả 600.000.000 đồng, ngày 26-3-2020 trả 1.500.000.000 đồng), còn nợ lại bà V 362.000.000 đồng.

Đến ngày 26-3-2020 bà V tính cộng dồn tiền lãi của 05 lần vay trên; bà H, ông Th vay thêm 3.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ mới với số tiền vay là 605.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, hạn thu hoạch mì tháng 7 năm 2020 trả hết nợ.

Nay bà H, ông Th đồng ý có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà V số tiền còn nợ gốc là 444.799.000 (bốn trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

***Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số:13 /2021/DS-ST ngày 24-3-2021, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ gốc 605.000.000 đồng và tiền lãi 60.398.000 đồng; tổng cộng 665.398.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về yêu cầu tính tiền lãi số tiền 8.561.000 (tám triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05-4-2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th có đơn kháng cáo với nội dung: Bà H, ông Th chỉ thừa nhận và đồng ý có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị V số tiền còn nợ tổng cộng là 444.799.000 (bốn trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông Th; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

**[1]** Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

**[2]** Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th cho rằng Bà H, ông Th chỉ thừa nhận và đồng ý có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị V số tiền còn nợ tổng cộng là 444.799.000 (bốn trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng, xét thấy:

Bà H, ông Th đều thừa nhận ngày 26-3-2020 bà H, ông Th có viết, ký giấy vay của bà V số tiền 605.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, cam kết tháng 7 năm 2020 (AL) trả nợ.

Bà H, ông Th cho rằng trong số tiền 605.000.000 đồng này chỉ có 362.000.000 đồng là tiền nợ gốc, còn lại số tiền 243.000.000 đồng là tiền lãi của những lần vay trước đó cộng dồn lại, nhưng bà H, ông Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; vì “Giấy nợ ghi ngày 26-3-2020” thể hiện vay số tiền 605.000.000 đồng, không thể hiện có số tiền lãi là

243.000.000 đồng và bà V không thừa nhận lời trình bày của bà H, ông Th. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà H và ông Th cùng có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà V số tiền vay nợ gốc là 605.000.000 đồng và tiền lãi 60.398.000 đồng; tổng cộng 665.398.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn) đồng là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H, ông Th; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà H, ông Th phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th cùng có trách nhiệm thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ gốc 605.000.000 đồng và tiền lãi 60.398.000 đồng; tổng cộng là 665.398.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về yêu cầu tính tiền lãi với số tiền 8.561.000 (tám triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn) đồng.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H, ông Hà Văn Th còn phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th phải chịu 30.615.000 (ba mươi triệu, sáu trăm mười lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu 428.000 (bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà V đã nộp 15.040.000 đồng theo Biên lai số 0004646 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Thị V được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 14.612.000 (mười bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H, ông Th đã nộp theo Biên lai thu số 0005067 ngày 05-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh TN;
- TAND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Tuấn**